TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2017/DS-ST
Ngày 22 - 9 - 2017
V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự góp họ (hụi).

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Chọn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Ngọc Duyên**

2. Ông **Trần Thanh Điền**

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2017/TLST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2017 về việc "Tranh chấp về hợp đồng dân sự góp họ (hụi)" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2017/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trịnh Kiên G, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 3 B, xã N Y, huyện A B, tỉnh Kiên Giang

2. Bị đơn: Bà Lê Thị C, sinh năm 1962 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 3 B, xã N Y, huyện A B, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19-01-2017 và biên bản hòa giải ngày 22-5-2017 nguyên đơn bà Trịnh Kiên G trình bày yêu cầu như sau:

Vào năm 2013-2014 bà Lê Thị C có tham gia góp hụi do bà Trịnh Kiên G làm chủ, cụ thể như sau:

- Dây hụi thứ nhất: Hụi 500.000 đồng, mở ngày 29/11/2013 âm lịch, gồm 27 phần, mỗi tháng mở 02 lần vào ngày 15 và ngày 29 hàng tháng, hụi có lãi và có hoa hồng (tiền cò mỗi phần 250.000 đồng). Dây hụi này bà C tham gia 02 phần; phần thứ nhất bà C đóng hụi sống được 07 lần bỏ thăm nên hốt phần hụi thứ nhất, sau đó bà C có đóng tiếp cho bà G được 13 lần huị chết và còn nợ lại 07 lần hụi chết số tiền là 3.500.000đ; Phần thứ hai bà C đóng hụi sống được 14 lần bỏ thăm nên hốt phần hụi thứ hai, bà C có đóng tiếp cho bà G được 06 lần hụi chết của phần hụi thứ hai và còn nợ lại 07 lần hụi chết số tiền là 3.500.000đ. Hai phần hụi thì bà C đã đóng hụi chết cho bà G trước sau tổng cộng 40 lần và hiện còn nợ lại 14 lần hụi chết với số tiền là 7.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ hai: Hụi 1.000.000 đồng, mở ngày 29/01/2014 âm lịch, gồm 30 phần, mỗi tháng mở 01 lần vào ngày 29 hàng tháng, hụi có lãi và có hoa hồng (tiền cò mỗi phần 500.000 đồng). Dây hụi này bà C tham gia 01 phần và bà C đóng hụi sống được 04 lần đến lần thứ 5 bỏ thăm nên hốt được số tiền 13.000.000đ. Sau đó, bà C đóng hụi chết đến lần 09 lần và hiện còn nợ lại bà G 21 lần hụi chết với số tiền là 21.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ ba: Hụi 50.000 đồng, mở ngày 19/7/2014 âm lịch, loại hụi ngày, có 110 phần, hụi có lãi và có hoa hồng (tiền cò 50.000 đồng/ngày). Dây hụi này bà C tham gia 02 phần và bà C đóng hụi sống được 45 lần, đến lần thứ 46 bỏ thăm nên hốt hụi. Sau đó, bà C đóng hụi chết đến lần thứ 87 và hiện còn nợ lại bà G 23 lần hụi chết với số tiền là 2.300.000 đồng.

- Dây hụi thứ tư: Hụi 100.000 đồng, mở ngày 29/9/2014 âm lịch, loại hụi ngày, có 60 phần, hụi có lãi và có hoa hồng (tiền cò 100.000 đồng/ngày). Dây hụi này bà C tham gia 01 phần và bà C đóng hụi sống được 29 lần đến lần thứ 30 bỏ thăm và hốt hụi. Sau đó, bà C đóng hụi chết đến lần thứ 34 và hiện còn nợ lại bà G 26 lần hụi chết với số tiền là 2.600.000 đồng.

Tổng 04 dây hụi bà C còn nợ bà G số tiền hụi chết là 32.900.000 đồng. Sau đó bà C có trả cho bà G được 6.200.000 đồng nên còn nợ lại 26.250.000 đồng đến nay chưa trả.

Nay bà G yêu cầu giải quyết buộc bà Lê Thị C phải trả cho bà số tiền hụi chết còn thiếu là 26.250.000đ (Hai mươi sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Ngoài ra không yêu cầu và trình bày gì thêm.

Tại biên bản hòa giải ngày 22/5/2016 bị đơn bà Lê Thị C trình bày: Bà Lê Thị C xác định và thừa nhận năm 2013 - 2014 âm lịch bà có tham gia góp hụi do bà G làm chủ, cụ thể như sau:

- Dây hụi thứ nhất: Hụi 500.000 đồng, mở ngày 29/11/2013 âm lịch, gồm 27 phần, mỗi tháng mở 02 lần vào ngày 15 và ngày 29 hàng tháng, hụi có lãi và có hoa hồng (tiền cò mỗi phần 250.000 đồng). Dây hụi này bà tham gia 02 phần; phần thứ nhất bà đóng hụi sống được 07 lần đến lần 08 thì bỏ thăm nên hốt phần hụi thứ nhất được số tiền bao nhiêu thì bà không nhớ, bà có đóng tiếp cho bà G được 14 lần hụi chết và còn nợ lại 06 lần hụi chết số tiền là 3.000.000đ; Phần thứ hai bà đóng hụi sống được 14 lần đến lần thứ 15 thì bỏ thăm nên hốt phần hụi thứ hai, sau khi hốt hụi bà có đóng tiếp cho bà G được 06 lần hụi chết và còn nợ lại 07 lần hụi chết số tiền là 3.500.000đ. Hai phần hụi thì bà C đã đóng hụi chết cho bà G trước sau tổng cộng 41 lần và hiện còn nợ lại bà G 13 lần hụi chết với số tiền là 6.500.000 đồng.

- Dây hụi thứ hai: Hụi 1.000.000 đồng, mở ngày 29/01/2014 âm lịch, gồm 30 phần, mỗi tháng mở 01 lần vào ngày 29 hàng tháng, hụi có lãi và có hoa hồng (tiền cò mỗi phần 500.000 đồng). Dây hụi này bà tham gia 01 phần và bà đóng hụi sống được 04 lần đến lần thứ 5 thì bỏ thăm nên hốt được số tiền 13.000.000đ. Sau đó, bà C đóng hụi chết đến lần thứ 09 và hiện còn nợ lại bà G 21 lần hụi chết với số tiền là 21.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ ba: Hụi 50.000 đồng, mở ngày 19/7/2014 âm lịch, loại hụi ngày, có 110 phần, hụi có lãi và có hoa hồng (tiền cò 50.000 đồng/ngày). Dây hụi này bà C tham gia 02 phần và bà đóng hụi sống được 45 lần đến lần thứ 46 bỏ thăm nên hốt (được số tiền bao nhiêu thì bà không nhớ). Sau đó, bà C đóng hụi chết đầy đủ cho bà G, dây hụi này đến nay đã mãn, không còn thiếu tiền hụi của bà G dây hụi này.

- Dây hụi thứ tư: Hụi 100.000 đồng, mở cùng ngày 29/9/2014 âm lịch, loại hụi ngày, có 60 phần, hụi có lãi và có hoa hồng (tiền cò 100.000 đồng). Dây hụi này bà tham gia 01 phần và bà đóng hụi sống được 29 lần đến lần thứ 30 bỏ thăm nên hốt hụi. Sau đó, bà C đóng hụi

chết đến cho bà G đầy đủ đến khi mãn hụi, dây hụi này không còn nợ lại bà G.

Tổng 04 dây hụi bà C còn nợ bà G số tiền hụi chết là 27.500.000 đồng. Sau đó bà C có trả cho bà G được 6.450.000 đồng nên còn nợ lại 21.050.000 đồng đến nay chưa trả.

Nay theo yêu cầu của bà Trịnh Kiên G, bà C thừa nhận còn nợ và chỉ đồng ý trả cho bà G số tiền hụi chết còn thiếu là 21.050.000đ (Hai mươi mốt triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) ngoài ra không đồng ý khoảng nào khác.

Tài liệu, chứng cứ do các bên đương sự cung cấp gồm: Bản sao giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của bà G; đơn xác nhận tình trạng cư trú của bà Lê Thị C; Phiếu thực hiện hòa giải cơ sở ngày 15/11/2016 của ấp 3 B; Biên bản ngày 15/11/2016 của ấp 3 B; Danh sách hụi ngày 29/9/2014 âm lịch; Danh sách hụi ngày 19/7/2014 âm lịch; Danh sách tiền hụi còn thiếu; Xác nhận của bà Nguyễn Thị Thu H, bà Trần Thị T, bà Nguyễn Thị Kim A, bà Lê Thị Mộng Đ, bà Nguyễn Ngọc P.

Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự thống nhất về số nợ 21.050.000 đồng nhưng về thời gian trả nợ thì không thống nhất nhau, bà G yêu cầu trả một lần, bà C yêu cầu trả 1.000.000đ/tháng đến khi dứt nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự có ý kiến như sau:

Về tố tụng: Kiểm sát viên kiểm sát việc tuân theo pháp luật tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng và đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo Bộ luật tố tụng dân sự.

Vụ án từ khi thụ lý cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử đã tuân thủ đúng thời gian theo quy định.

Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Trịnh Kiên G khởi kiện bà Lê Thị C đòi bà C trả số tiền hụi còn lại chưa thanh toán, bà C có nơi cư trú

trên địa bàn huyện An Biên. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Quan hệ pháp luật được xác định trong vụ án là "Tranh chấp về hợp đồng dân sự góp họ (hụi)", do giao dịch được thực trước ngày 01/01/2017 nên áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015, áp dụng quy định tại Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005 và Nghị định 144/2006/NĐ-CP của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường để giải quyết trong vụ án này.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Sau khi vụ án được thụ lý, Tòa án đã giao các văn bản tố tụng cho các đương sự, tiến hành lập biên bản công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành, các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

[4] Về nội dung vụ án:

Ghi nhận ý kiến xác nhận nợ còn lại giữa nguyên đơn và bị đơn là 21.050.000đ. Tuy nhiên, về thời gian trả nợ thì không thống nhất nhau nên không có căn cứ để xem xét, do vậy khi nào bản án có hiệu lực pháp lực thì các bên căn cứ Bản án để yêu cầu thi hành án theo Luật thi hành án dân sự.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo Bộ luật Tố tụng dân sự; về nội dung: Theo yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chập nhận.

Từ các nhận định nêu trên, áp dụng khoản 1 Điều 688 và Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 17, Điều 20, Điều 23, Điều 30, Điều 31 của Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 quy định về họ, hụi, biêu, phường HĐXX thống nhất chất nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Kiên G, buộc bà Lê Thị C có nghĩa vụ trả cho bà Trịnh Kiên G 21.050.000đ (Hai mươi mốt triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả số tiền nêu trên thì còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

[5] Về án phí vụ kiện:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tiền án phí vụ kiện được tính là: 21.050.000đ x 5% = 1.052.500 đồng (Một triệu không trăm năm mươi hai nghìn năm trăm đồng).

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ cho nên bà Lê Thị C có nghĩa vụ nộp án phí 1.052.500 đồng (Một triệu không trăm năm mươi hai nghìn năm trăm đồng).

Hoàn trả cho bà Trịnh Kiên G số tiền tạm ứng án phí là 656.250đ (Sáu trăm năm mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu tiền số 0004137 ngày 18/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 144, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân năm 2015; khoản 1 Điều 688 và Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 17, Điều 20, Điều 23, Điều 30, Điều 31 của Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 quy định về họ, hụi, biêu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Kiên G yêu cầu bà Lê Thị C trả số tiền nợ hụi là 21.050.000đ (Hai mươi mốt triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

2. Buộc bị đơn bà Lê Thị C trả cho nguyên đơn bà Trịnh Kiên G số tiền nợ hụi là 21.050.000đ (Hai mươi mốt triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả số tiền nêu trên thì còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí:

Bà Lê Thị C có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm 1.052.500đ (Một triệu không trăm năm mươi hai nghìn năm trăm đồng) nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Hoàn trả cho bà Trịnh Kiên G số tiền tạm ứng án phí là 656.250đ (Sáu trăm năm mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu tiền số 0004137 ngày 18/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

4. Quyền kháng cáo:

Án xử công khai, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu: HSDS, VA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)

Trần Thị Chọn